

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới sự điều chỉnh của nhóm cổ phiếu ngân hàng với thanh khoản giảm

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

MWG, CTG

[Cập nhật công ty]

VPB

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trong các nhịp hồi sớm và chỉ gia tăng trở lại trong các nhịp điều chỉnh về quanh các vùng hỗ trợ

23/08/2023

| | Chỉ số | Thay đổi (%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex | 1,172.56 | -0.67 |
| VN30 | 1,182.97 | -0.88 |
| HĐTL VN30F1M | 1,180.60 | -1.29 |
| HNXIndex | 238.07 | -0.66 |
| HNX30 | 481.69 | -1.63 |
| UPCoM | 89.39 | -0.13 |
| USD/VND | 23,970 | +0.13 |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 2.57 | +1 |
| Lãi suất qua đêm (%) | 0.20 | +10 |
| Dầu (WTI, \$) | 79.12 | -1.53 |
| Vàng (LME, \$) | 1,904.32 | +0.36 |



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,172.56 (-0.67%)
KLGD (triệu CP) 653.7 (-29.7%)
GTGD (triệu U\$) 716.6 (-21.0%)

TTCK Việt Nam giảm điểm dưới sự điều chỉnh của nhóm cổ phiếu ngân hàng với thanh khoản giảm. Khối ngoại bán ròng, tập trung tại HPG (-1.9%), VPB (-1.7%), STB (-3.9%).

HNXIndex 238.07 (-0.66%)
KLGD (triệu CP) 70.3 (-42.7%)
GTGD (triệu U\$) 51.3 (-40.1%)

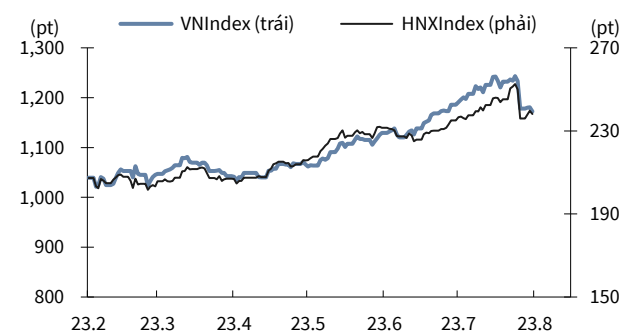
Quyết định số 1989/QĐ-BCT của Bộ Công Thương công bố kết quả rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá và chống trợ cấp đối với một số sản phẩm đường mía có xuất xứ từ Thái Lan chính thức được áp dụng từ 18-8-2023 đến 15-6-2026. Cổ phiếu nhóm Đường tăng giá ở SBT (+2.45%), QNS (+0.44%).

UPCoM 89.39 (-0.13%)
KLGD (triệu CP) 30.6 (-52.5%)
GTGD (triệu U\$) 17.2 (-30.7%)

Tại Hội thảo diễn ra vào ngày 22/8, Ngân hàng Nhà nước cho biết tỷ lệ nợ xấu của lĩnh vực bất động sản đang có chiều hướng gia tăng so với thời điểm cuối năm trước (trong đó, tháng 6/2022 là 1.53% và tháng 6/2023 là 2.47%). Cổ phiếu nhóm BĐS giảm giá ở CEO (-3.61%), DIG (-0.98%).

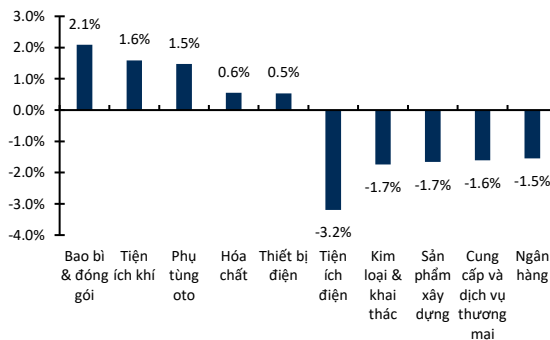
NĐTNN mua ròng (triệu U\$) -22.6

VNIndex & HNXIndex



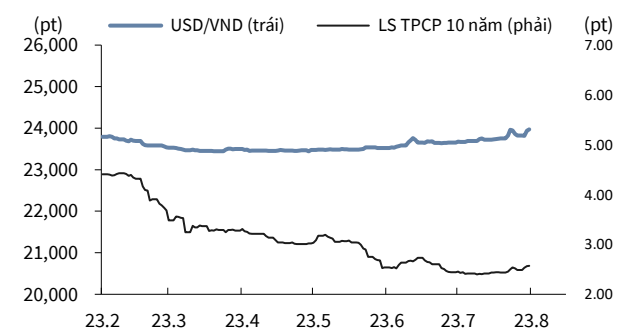
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



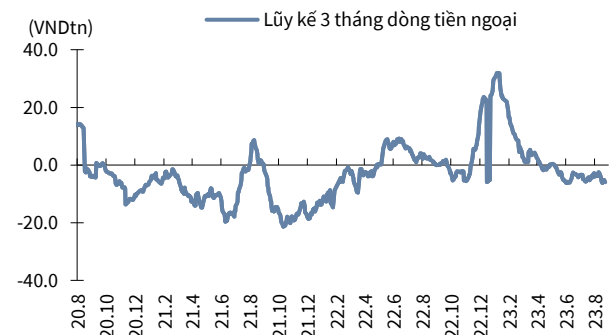
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

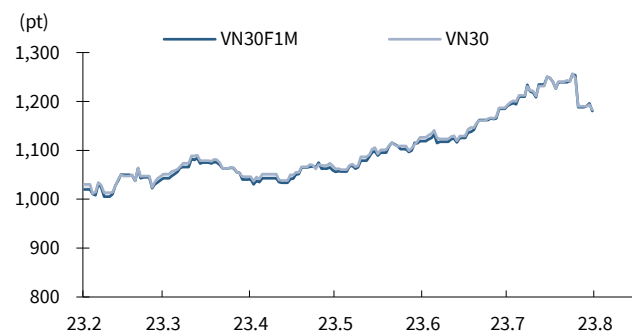
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

| | |
|------------------|--------------------------|
| VN30 | 1,182.97 (-0.88%) |
| VN30F1M | 1,180.6 (-1.29%) |
| Mở cửa | 1,202.0 |
| Cao nhất | 1,204.6 |
| Thấp nhất | 1,173.0 |

Các HĐTL giảm điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2309 và VN30 mở cửa tại 9.68 điểm, sau đó biến động quanh mức 0.35 điểm và đóng cửa tại -2.37 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

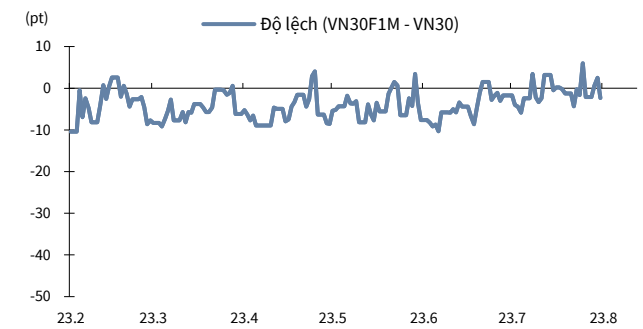
| | |
|------------------|-------------------------|
| KLGD (HĐ) | 358,824 (-11.6%) |
|------------------|-------------------------|

HĐTL VN30F1M & VN30



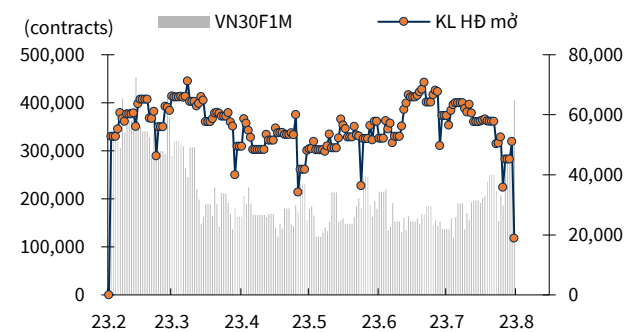
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



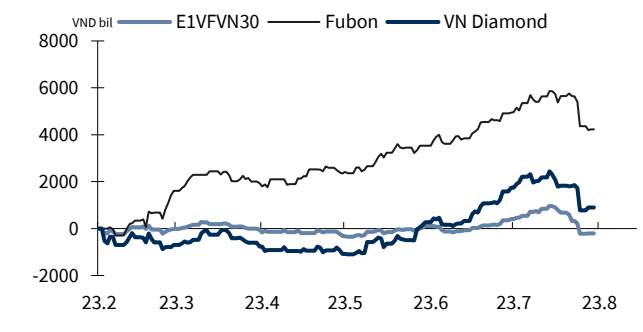
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

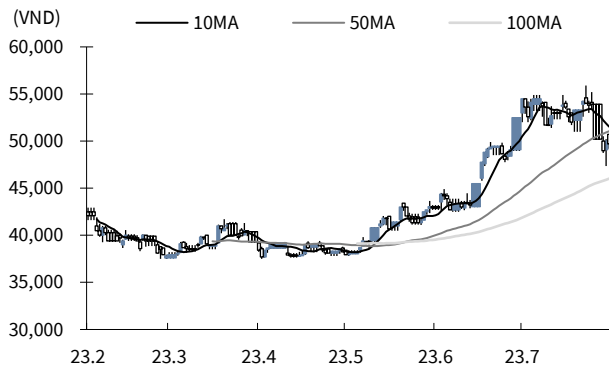
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

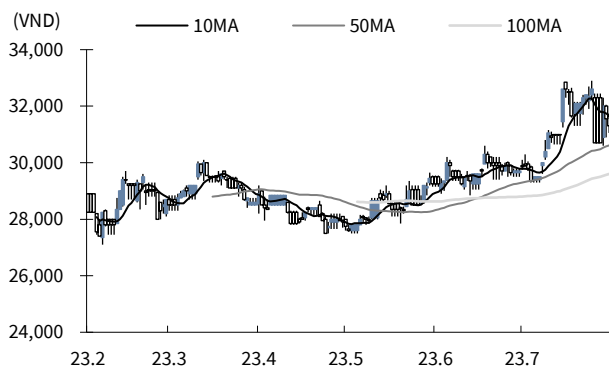
CTCP Đầu tư Thế giới Di động (MWG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG giảm 0.6% xuống 49,700 VND/cp
- Trong thông báo mới nhất, CTCP Đầu tư Thế giới Di động vừa công bố báo cáo kinh doanh 7 tháng đầu năm. Riêng trong tháng 7/2023, doanh thu của MWG ước đạt hơn 9,900 tỷ đồng, tăng 5% so với tháng 6 trước đó nhưng vẫn giảm 10% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng 7, tổng doanh thu hai chuỗi Thế Giới Di Động và Điện Máy Xanh đạt hơn 6,800 tỷ đồng, tăng 2% so với tháng trước đó và giảm 20% so với cùng kỳ năm 2022.

Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (CTG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- CTG giảm 0.8% xuống 31,300 VND/cp
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 21/8 đưa thông tin về Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành thành công 10,150 trái phiếu mã CTGL2338004 với tổng giá trị theo mệnh giá là 1,015 tỷ đồng. Lô trái phiếu được phát hành ở thị trường trong nước với kỳ hạn 15 năm, ngày phát hành là 31/7/2023 và ngày đáo hạn là 31/7/2038. Dữ liệu từ HNX cho thấy, lô trái phiếu có lãi suất 7.7%/năm.

23/08/2023

 Trưởng nhóm Nguyễn Anh Tùng
 tungna@kbsec.com.vn

2Q2023, LNTT đạt 2,613 tỷ VND, giảm 37.5% YoY

2Q2023, VPB có thu nhập lãi thuần đạt 8,762 tỷ VND (-8.1% QoQ, -16.3% YoY); TOI đạt 12,782 tỷ VND (+3.4% QoQ, -3.8% YoY). Chi phí trích lập dự phòng duy trì mức cao, đạt 6,490 tỷ VND (+1.6% QoQ, +16.2% YoY) khiến LNTT đạt 2,613 tỷ VND (+2.5% QoQ, -37.5% YoY).

Kì vọng NIM cải thiện trong 2H2023 và 2024

NIM của VPB kì vọng sẽ có sự cải thiện trong 2H2023 và cả năm 2024 dựa trên: (1) Mặt bằng lãi suất huy động giảm đáng kể trong 2Q2023 cùng với các khoản huy động lãi suất cao kì hạn 6 tháng sẽ đáo hạn sau khi kết thúc quý 2 khiến chi phí vốn giảm; (2) VPB dự kiến khoản tiền từ bán cổ phần cho SMBC sẽ đến vào giai đoạn cuối tháng 9/2023.

Áp lực trích lập dự kiến tiếp tục duy trì ở mức cao trong phần còn lại của năm

Tỷ lệ nợ xấu 2Q2023 của VPB đạt 7.44% (+120bps QoQ), nằm trong nhóm ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu tăng mạnh nhất trong đó NPL của ngân hàng mẹ đạt 3.88% (+46bps QoQ). Tỷ lệ Nợ nhóm 2/tổng dư nợ giảm nhẹ 3bps QoQ, đạt 8.19%, cao nhất trong nhóm ngân hàng theo dõi. Áp lực trích lập dự phòng đối với VPB trong nửa cuối năm dự kiến sẽ vẫn duy trì ở mức cao trong bối cảnh chất lượng tài sản không tốt và tỷ lệ bao phủ nợ xấu đang khá mỏng, chỉ đạt 37.7%.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 24,400 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VPB. Giá mục tiêu cho năm 2023 là 24,400VND/cp, cao hơn 18.7% so với giá tại ngày 22/08/2023.

MUA Duy trì

Giá mục tiêu VND24,400

| | |
|------------------------------------|-------------|
| Tăng/Giảm | 18.7% |
| Giá hiện tại (22/08/2023) | VND20,600 |
| Giá mục tiêu đồng thuận | VND24,831 |
| Vốn hóa thị trường (Tỷ VND/tỷ VND) | 138,915/5.7 |

Dữ liệu giao dịch

| | |
|------------------------------------|--------------------------------------|
| Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%) | 85.06 |
| GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD) | 438/18.1 |
| Sở hữu nước ngoài (%) | 16.38 |
| Cơ cấu cổ đông | Composite Capital master fund (5.0%) |

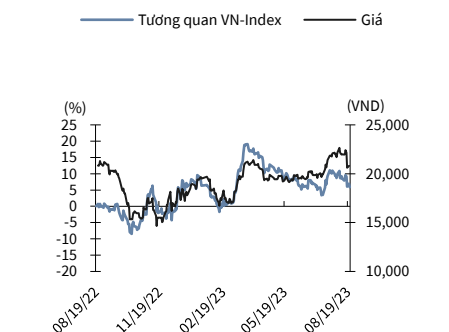
Biến động giá cổ phiếu

| (%) | 1M | 3M | 6M | 12M |
|-----------|----|----|----|-----|
| Tuyệt đối | -6 | 4 | 18 | -1 |
| Tương đối | -4 | -4 | 5 | 6 |

Dự phóng KQKD & định giá

| Cuối năm tài chính | 2021 | 2022 | 2023F | 2024F |
|-----------------------------------|--------|--------|--------|--------|
| Thu nhập lãi thuần (tỷ VND) | 34,349 | 41,021 | 39,980 | 57,584 |
| LN thuần trước CF DPRRTD (tỷ VND) | 33,583 | 43,681 | 40,288 | 55,214 |
| LNST (tỷ VND) | 11,477 | 16,909 | 8,982 | 12,546 |
| EPS (VNĐ) | 2,601 | 2,694 | 1,384 | 1,771 |
| Tăng trưởng EPS (%) | -37% | 4% | -49% | 28% |
| PER (x) | 7.9 | 7.6 | 14.9 | 11.6 |
| Giá trị sổ sách/CP (BVPS) | 19,149 | 15,349 | 18,057 | 19,828 |
| PBR (x) | 1.08 | 1.34 | 1.14 | 1.04 |
| ROE (%) | 16.5% | 17.8% | 7.3% | 8.3% |
| Tỷ suất cổ tức (%) | 0.00% | 0.00% | 4.90% | 0.00% |

Nguồn: Fiiipro, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau những nỗ lực tăng điểm bất thành đầu phiên, VNIndex dần suy yếu và đảo chiều với biên độ giảm điểm về cuối phiên.
- Áp lực bán gia tăng quanh ngưỡng kháng cự gần 119x đã khiến cho chỉ số tiếp tục có một phiên điều chỉnh giảm co. VNIndex nhiều khả năng sẽ tiếp tục đi ngang, tăng giảm đan xen trong phiên tiếp theo trước khi thiết lập một xu hướng rõ ràng hơn với ngưỡng hỗ trợ gần quanh 1170.
- NĐT được khuyến nghị bán hạ tỷ trọng trong các nhịp hồi sớm và chỉ gia tăng trở lại trong các nhịp điều chỉnh về quanh các vùng hỗ trợ.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1193 - 1196

Kháng cự gần: 1186 - 1188

Hỗ trợ gần: 1174 - 1176

Hỗ trợ xa: 1169 - 1171

- Sau những nỗ lực tăng điểm bất thành đầu phiên, F1 dần suy yếu và đảo chiều với biên độ giảm điểm về cuối phiên.
- Áp lực bán gia tăng quanh ngưỡng kháng cự gần 119x đã khiến cho chỉ số tiếp tục có một phiên điều chỉnh giảm co. VNIndex nhiều khả năng sẽ tiếp tục đi ngang, tăng giảm đan xen trong phiên tiếp theo trước khi thiết lập một xu hướng rõ ràng hơn với ngưỡng hỗ trợ gần quanh 117x.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Linh hoạt trading hai chiều, SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

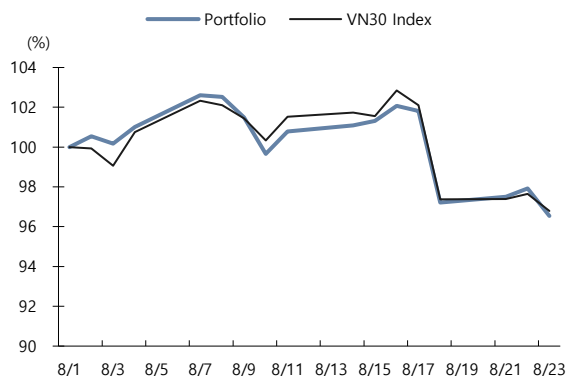
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

| | VN30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|------------|------------------|
| Tăng trong phiên | -0.88% | -1.40% |
| Tăng lũy kế (YTD) | -3.21% | -3.46% |

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 23/08/2023 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư |
|-------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|--|
| Vietcombank (VCB) | 01/08/2023 | 86,300 | -2.4% | -5.4% | - Tỷ lệ bao phủ nợ xấu cao so với toàn ngành, giúp linh hoạt trong việc giảm dự phòng. - NIM được kỳ vọng sẽ duy trì ở mức hiện tại hoặc giảm nhẹ - Tham gia tái cấu trúc TCTC yếu kém sẽ giúp ngân hàng được cấp room tín dụng ~14%. |
| PC1 Group (PC1) | 01/08/2023 | 25,000 | -1.0% | -10.4% | - Quy hoạch điện VIII phê duyệt giúp BLNG có thể được cải thiện lên 11% trong 2023 - Nhà máy khai thác Nickel tại Cao Bằng đã vận hành trong T4/2023 - PC1 dự kiến bàn giao toàn bộ 54 căn hộ thấp tầng tại dự án Gia Lâm trong 2023 |
| Phu Nhuận Jewelry (PNJ) | 01/08/2023 | 77,500 | -1.3% | -4.3% | - Ngành bán lẻ phục hồi sức mua theo nền kinh tế nhờ các hỗ trợ tài khóa và tiền tệ - Kỳ vọng BLNG cải thiện: 1) cơ cấu DM sản phẩm và 2) giảm bớt chính sách khuyến mại - Định giá về vùng hợp lý, giá đã phản ánh Kỳ vọng KQKD giảm tốc của mùa thấp điểm |
| Techcombank (TCB) | 01/08/2023 | 33,200 | 0.3% | -2.4% | - Tăng trưởng tín dụng duy trì ở mức cao nhờ vào hoạt động bán buôn - NIM chưa phục hồi nhưng CASA được cải thiện, đạt 35% so với 1Q23 là 32% - P/B đang giao dịch ở mức 0.98 lần. Thấp hơn trung bình ngành là 1.63 |
| PV Power (POW) | 01/08/2023 | 12,350 | -3.5% | -8.2% | - Nhà máy điện Vũng Áng 1 đang sửa chữa được dự kiến được quay trở lại vào quý 4/2023 - Nhu cầu phụ tải điện có xu hướng tăng trong khi thủy điện khó bù đắp sản lượng - Động lực tăng trưởng dài hạn đến từ 2 nhà máy nhiệt điện khí NT3 và NT4 |
| FPT Corp (FPT) | 01/08/2023 | 86,500 | 0.0% | 2.4% | - Đạt KQKD tích cực 7 tháng đầu năm, kỳ vọng tăng trưởng 18% - 20% trong năm 2023 - Hưởng lợi từ tăng trưởng mảng công nghệ ở các thị trường chủ lực (Mỹ, Nhật) - Mảng giáo dục đầu tư duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn Định |
| Viettel Post (VTP) | 01/08/2023 | 39,300 | -0.3% | -4.3% | - VTP kỳ vọng cải thiện BLNG mảng dịch vụ lên 7.8% nhờ tập trung vào tối ưu hóa chi phí - Sản lượng chuyển phát kỳ vọng tiếp tục đà tăng trưởng, nâng thị phần của VTP lên 21% - VTP dành nhiều nguồn lực cho việc mở rộng thị trường phân khúc khách hàng lớn |
| Kinh Bắc Group (KBC) | 01/08/2023 | 31,100 | -1.0% | -3.0% | - KBC kỳ vọng ghi nhận doanh số cho hơn 160ha đất KCN trong năm nay - Quỹ đất mới được phê duyệt 1,256 ha là động lực tăng trưởng trong trung và dài hạn - KĐT Trảng Cát và KCN Trảng Duệ 3 được kỳ vọng sẽ được đẩy nhanh tiến độ |
| Sacombank (STB) | 01/08/2023 | 30,900 | -3.9% | 6.7% | - STB hưởng lợi từ (1) Các động thái giảm lãi suất; (2) Thanh khoản được cải thiện - Tỷ lệ nợ xấu trong nhóm thấp nhất và nợ nhóm 2 giảm trong 1Q2023 - STB có đủ dư địa lợi nhuận để trích lập cho trái phiếu VAMC như kế hoạch đề ra. |
| Binh Son Refinery (BSR) | 01/08/2023 | 18,300 | -1.1% | -5.7% | - Mức crack spread có thể được cải thiện từ mùa cao điểm ở thị trường Trung Quốc và Mỹ. - Kế hoạch hoàn bảo dưỡng nhà máy có thể giúp doanh thu và LNST tăng mạnh - Dự án nâng cấp mở rộng nhà máy được chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| VNM | 1.1% | 54.6% | 53.8 |
| VIC | 0.8% | 13.3% | 32.0 |
| DGC | 2.0% | 13.6% | 28.5 |
| PDR | 1.5% | 3.3% | 24.3 |
| TPB | -0.3% | 29.2% | 23.5 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| HPG | -1.9% | 26.4% | -218.2 |
| VPB | -1.7% | 16.4% | -114.7 |
| STB | -3.9% | 24.3% | -74.3 |
| SSI | -1.0% | 46.1% | -64.7 |
| VND | -2.1% | 23.3% | -53.8 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| CEO | -3.6% | 3.4% | 4.7 |
| PVI | 0.2% | 59.5% | 1.6 |
| PVS | -0.9% | 20.1% | 1.2 |
| IDC | -1.1% | 1.1% | 1.1 |
| MBS | -0.6% | 0.8% | 0.6 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| SHS | -2.4% | 11.6% | -1.8 |
| NVB | -1.4% | 8.0% | -1.5 |
| TNG | 0.6% | 21.9% | -1.5 |
| IDJ | -1.3% | 0.7% | -0.2 |
| HCC | 0.0% | 19.6% | -0.1 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------------|
| Phụ tùng oto | 5.5% | DRC, CSM, PAC, TNC |
| Bao bì & đóng gói | 2.4% | TDP, SVI, MCP, TPC |
| Tiện ích khí | 1.7% | GAS, PGD, PMG |
| Công nghệ | 1.6% | FPT, CMG, ELC |
| Ngành chưa phân loại | 0.0% | CKG, PSH, NHH, ABS |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|-----------------------------------|--------------|--------------------|
| Quản lý & phát triển bất động sản | -11.8% | VHM, VIC, NVL, BCM |
| Hàng hải | -9.5% | VSC, VOS, SKG, VTO |
| Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế | -8.7% | TNH, JVC, VMD |
| Kim loại & khai thác | -8.5% | HPG, HSG, NKG, KSB |
| Sản phẩm xây dựng | -8.1% | VGC, BMP, SHI, DAG |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|-----------------------------------|--------------|--------------------|
| Máy móc | 34.7% | TCH, HHS, SRF, SHA |
| Công nghệ | 6.7% | FPT, CMG, ELC |
| Bao bì & đóng gói | 4.1% | TDP, SVI, MCP, TPC |
| Quản lý & phát triển bất động sản | 3.6% | VHM, VIC, NVL, BCM |
| Chứng khoán | 2.4% | SSI, VND, HCM, VCI |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|-----------------------------------|--------------|--------------------|
| Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế | -14.3% | TNH, JVC, VMD |
| Sản phẩm xây dựng | -12.2% | VGC, BMP, SHI, DAG |
| Cung cấp và dịch vụ thương mại | -9.8% | TLG, ILB, APC, ST8 |
| Kim loại & khai thác | -9.4% | HPG, HSG, NKG, KSB |
| Dược | -8.7% | DHG, IMP, TRA, DBD |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn) | GTGD (VND tỷ, USDmn) | Room còn lại (%, -1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------|-----|------------------|---------|---------------------------------------|-------------------------|--------------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|-------|-------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Bất Động Sản | VIC | VINGROUP JSC | 97,778 | 372,067 (16,170) | 842,698 (35.4) | 22.5 | 74.0 | 73.8 | 14.7 | 3.0 | 2.9 | 2.2 | 2.1 | 0.8 | -14.0 | 24.8 | 20.8 |
| | VHM | VINHOMES JSC | 79,385 | 339,478 (14,753) | 291,712 (12.3) | 26.6 | 7.0 | 6.5 | 35.9 | 20.7 | 19.1 | 1.4 | 1.1 | -1.8 | -13.4 | -7.6 | 13.5 |
| | VRE | VINCOM RETAIL JS | 34,850 | 79,190 (3,442) | 238,289 (10.0) | 17.8 | 16.0 | 15.0 | -7.6 | 11.5 | 11.3 | 1.8 | 1.6 | -1.9 | -8.7 | 1.2 | 9.3 |
| | NVL | NOVALAND INVESTM | 45,853 | 86,712 (3,768) | 1,013,081 (42.6) | 31.3 | - | - | 6.7 | -3.8 | -0.7 | 1.0 | 1.0 | 1.1 | -9.4 | 23.4 | 33.6 |
| | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 28,347 | 19,167 (833) | 81,781 (3.4) | 11.6 | 24.9 | 20.2 | 13.7 | 8.4 | 8.2 | 1.9 | 1.7 | -1.6 | -5.8 | 2.0 | 26.4 |
| | DXG | DAT XANH GROUP | 21,130 | 12,594 (547) | 523,115 (22.0) | 13.9 | 35.2 | 37.1 | - | 3.7 | 3.4 | 1.2 | 1.2 | -1.0 | -8.9 | 14.9 | 48.2 |
| Ngân hàng | VCB | BANK FOR FOREIGN | 67,686 | 378,305 (16,441) | 119,300 (5.0) | 6.3 | 14.4 | 12.3 | 11.7 | 22.9 | 21.5 | 2.8 | 2.3 | -2.4 | -3.3 | -2.9 | 27.4 |
| | BID | BANK FOR INVESTM | 34,507 | 174,556 (7,586) | 95,145 (4.0) | 12.7 | 12.8 | 9.5 | -5.3 | 20.3 | 20.6 | 2.0 | 1.7 | -0.2 | -3.8 | -2.2 | 18.4 |
| | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 38,900 | 136,341 (5,925) | 237,560 (10.0) | 0.0 | 6.2 | 4.9 | 14.3 | 15.3 | 16.5 | 0.9 | 0.8 | 0.3 | -5.9 | 2.8 | 28.4 |
| | CTG | VIETNAM JS COMM | 28,512 | 137,021 (5,955) | 251,875 (10.6) | 1.4 | 8.4 | 7.4 | 50.3 | 16.4 | 17.2 | 1.2 | 1.0 | -0.8 | -3.2 | 5.4 | 14.9 |
| | VPB | VIETNAM PROSPERI | 15,296 | 101,381 (4,406) | 428,242 (18.0) | 0.0 | 9.9 | 7.3 | 18.8 | 11.5 | 13.7 | 1.1 | 1.0 | -1.7 | -9.6 | -5.4 | 13.1 |
| | MBB | MILITARY COMMERC | 14,063 | 73,327 (3,187) | 185,454 (7.8) | 0.0 | 4.9 | 4.1 | 14.6 | 23.0 | 22.4 | 1.0 | 0.8 | -1.1 | -5.3 | -3.5 | 21.1 |
| | HDB | HDBANK | 14,191 | 40,641 (1,766) | 51,960 (2.2) | 4.2 | 5.0 | 4.5 | 23.3 | 22.9 | 20.4 | 1.1 | 0.9 | -1.8 | -6.1 | -6.4 | 16.1 |
| | STB | SACOMBANK | 18,600 | 33,548 (1,458) | 801,164 (33.7) | 14.0 | 8.1 | 5.1 | 26.5 | 18.6 | 23.5 | 1.3 | 1.0 | -3.9 | -6.1 | 7.5 | 37.3 |
| | TPB | TIEN PHONG COMME | 14,821 | 28,732 (1,249) | 154,027 (6.5) | 0.0 | 7.1 | 6.2 | 37.4 | 19.6 | 19.7 | 1.2 | 1.0 | -0.3 | -3.1 | -1.3 | 22.3 |
| | EIB | VIETNAM EXPORT-I | 15,417 | 22,745 (988) | 239,655 (10.1) | 0.2 | - | - | 27.3 | 16.3 | 16.5 | - | - | 0.0 | -6.2 | 17.2 | 1.1 |
| Bảo hiểm | BVH | BAO VIET HOLDING | 61,900 | 45,950 (1,997) | 45,265 (1.9) | 21.0 | 16.3 | 14.9 | 15.8 | 11.3 | 10.3 | 1.6 | 1.5 | 0.2 | -3.0 | -4.2 | -2.4 |
| | BMI | BAOMINH INSURANC | 22,250 | 2,439 (106) | 6,897 (0.3) | 14.2 | - | - | 9.1 | 13.4 | - | - | - | 0.0 | 6.0 | 7.0 | 31.2 |
| Chứng khoán | SSI | SSI SECURITIES C | 20,676 | 19,947 (867) | 663,761 (27.9) | 55.4 | 17.6 | 15.6 | -3.2 | 13.6 | 11.9 | 1.8 | 1.6 | -1.0 | 5.4 | 5.7 | 71.8 |
| | VCI | VIETCAP | 21,154 | 9,108 (396) | 194,334 (8.2) | 71.9 | - | - | -4.0 | - | - | - | - | -1.2 | -2.3 | -1.2 | 80.6 |
| | HCM | HO CHI MINH CITY | 22,265 | 8,907 (387) | 163,705 (6.9) | 52.4 | - | - | -19.0 | - | - | - | - | -1.2 | -4.8 | -5.3 | 44.3 |
| | VND | VNDIRECT SECURIT | 6,983 | 5,734 (249) | 706,254 (29.7) | 27.2 | 14.7 | 14.6 | 36.3 | 12.2 | 11.5 | 1.7 | 1.6 | -2.1 | -3.5 | 9.3 | 52.2 |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 109,000 | 227,805 (9,900) | 265,173 (11.2) | 42.1 | 18.7 | 16.2 | 4.0 | 28.7 | 31.6 | 5.4 | 5.5 | 1.1 | 0.5 | 0.0 | -3.4 |
| | SAB | SAIGON BEER ALCO | 192,500 | 123,447 (5,365) | 36,953 (1.6) | 36.9 | 23.3 | 20.4 | 7.3 | 19.4 | 19.7 | 3.8 | 3.4 | 0.1 | -4.6 | -2.0 | -10.1 |
| | MSN | MASAN GROUP CORP | 79,250 | 111,712 (4,855) | 195,063 (8.2) | 16.5 | 49.3 | 22.4 | -51.9 | 8.7 | 13.8 | 4.9 | 4.7 | -0.3 | -5.3 | -6.6 | -16.7 |
| | HNG | HOANG ANH GIA LA | 12,450 | 13,801 (600) | 28,560 (1.2) | 48.8 | - | - | - | - | - | - | - | -1.0 | -8.4 | 0.5 | -3.6 |
| Công nghiệp (vận tải) | VJC | VIETJET AVIATION | 131,800 | 69,042 (3,001) | 88,471 (3.7) | 11.0 | 58.9 | 28.2 | -88.5 | 12.8 | 11.2 | 3.3 | 2.8 | -0.8 | -4.3 | -1.5 | -11.9 |
| | GMD | GEMADEPT CORP | 33,100 | 9,976 (434) | 75,441 (3.2) | 10.8 | 10.2 | 15.7 | -57.0 | 26.3 | 12.6 | 1.9 | 1.8 | 0.0 | -3.2 | -6.1 | 18.9 |
| | CII | HO CHI MINH CITY | 22,600 | 5,398 (235) | 274,547 (11.6) | 38.4 | 16.0 | 13.0 | 65.7 | 2.4 | 3.8 | 1.0 | 1.0 | -2.2 | -10.7 | -1.2 | 54.7 |
| Công nghiệp (Tư bản) | ROS | FLC FAROS CONSTR | 3,670 | 2,083 (091) | #N/A (#N/A) | 46.4 | - | - | -92.4 | - | - | - | - | - | - | - | - |
| | GEX | GELEX GROUP JSC | 15,802 | 10,411 (452) | 444,188 (18.7) | 37.7 | - | - | -14.4 | - | - | - | - | 0.2 | -6.3 | 0.5 | 73.0 |
| | CTD | COTECCONS CONSTR | 73,200 | 5,438 (236) | 96,980 (4.1) | 3.6 | 22.9 | 24.2 | -52.4 | -0.2 | 2.4 | 0.5 | 0.5 | 0.9 | -11.9 | -25.5 | 79.3 |
| | REE | REE | 45,066 | 18,419 (800) | 64,269 (2.7) | 0.0 | 10.1 | 9.5 | -4.5 | 14.9 | 14.8 | 1.4 | 1.3 | 0.0 | -3.2 | -6.6 | -1.7 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn) | GTGD (VND triệu, USDmn) | Room còn lại (%, -1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|---------------------------------------|----------------------------|--------------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|-------|-------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Tiện ích | GAS | PETROVIETNAM GAS | 90,100 | 172,447 (7,494) | 53,290 (2.2) | 46.1 | 16.2 | 15.4 | -17.5 | 19.2 | 18.0 | 3.0 | 2.8 | 1.6 | 1.7 | 2.5 | 0.4 |
| | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 22,850 | 6,578 (286) | 23,596 (1.0) | 31.4 | 12.1 | 10.8 | -10.5 | 13.7 | 16.2 | 1.7 | 1.7 | -0.7 | -6.8 | -10.6 | -4.7 |
| | PPC | PHA LAI THERMAL | 26,200 | 8,400 (365) | 5,936 (0.3) | 34.1 | - | - | -5.1 | - | - | - | - | -0.4 | -5.5 | -14.4 | 7.9 |
| Nguyên vật liệu | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 24,986 | 145,287 (6,314) | 797,433 (33.5) | 18.0 | 18.6 | 11.9 | 21.9 | 8.1 | 11.7 | 1.5 | 1.3 | -1.9 | -8.2 | -9.7 | 42.5 |
| | DPM | PETROVIETNAM FER | 17,400 | 6,809 (296) | 130,803 (5.5) | 36.5 | 9.1 | 9.5 | -0.5 | 11.0 | 11.8 | 1.0 | 1.0 | -3.2 | -15.2 | -5.9 | -18.0 |
| | DCM | PETRO CA MAU FER | 13,650 | 7,226 (314) | 136,773 (5.8) | 46.5 | 13.3 | 9.6 | -4.5 | 12.2 | 16.4 | 1.6 | 1.5 | -0.9 | -3.6 | 10.5 | 21.3 |
| | HSG | HOA SEN GROUP | 18,314 | 11,063 (481) | 278,765 (11.7) | 38.9 | - | 18.5 | 67.9 | 0.5 | 6.3 | 1.1 | 1.1 | -0.5 | -10.3 | 0.5 | 63.2 |
| | AAA | AN PHAT BIOPLAST | 12,864 | 3,138 (136) | 131,795 (5.5) | 97.2 | 14.8 | 12.7 | 17.2 | 6.2 | 7.2 | - | - | -1.4 | -10.6 | -8.3 | 54.5 |
| Năng lượng | PLX | VIETNAM NATIONAL | 56,100 | 68,375 (2,972) | 69,191 (2.9) | 4.6 | 16.1 | 14.7 | -51.0 | 12.9 | 11.9 | 1.8 | 1.7 | -0.8 | -7.1 | -7.7 | 18.0 |
| | PVD | PETROVIETNAM DRI | 17,727 | 9,854 (428) | 128,496 (5.4) | 39.9 | 37.9 | 21.5 | -11.9 | 5.2 | 8.9 | 1.0 | 1.0 | 1.3 | -5.6 | -3.2 | 36.1 |
| | PVT | PETROVIET TRANSP | 17,900 | 5,793 (252) | 89,441 (3.8) | 35.9 | 8.3 | 7.7 | 2.2 | 15.0 | 14.5 | 1.1 | 1.0 | -0.7 | -7.7 | -8.8 | -1.4 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 46,500 | 65,024 (2,826) | 364,049 (15.3) | 0.0 | 46.0 | 15.3 | 14.4 | 7.4 | 17.4 | 3.0 | 2.6 | -0.6 | -7.6 | -5.3 | 15.9 |
| | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 65,625 | 19,895 (865) | 76,244 (3.2) | 0.0 | 14.9 | 12.1 | 2.4 | 19.6 | 21.8 | 2.7 | 2.3 | -1.3 | -3.4 | -3.1 | -13.8 |
| | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 40,300 | 1,261 (055) | 1,965 (0.1) | 70.6 | - | - | - | - | - | - | - | -3.2 | -12.1 | -11.8 | 34.7 |
| | FRT | FPT DIGITAL RETA | 16,348 | 2,227 (097) | 105,383 (4.4) | 30.3 | 47.9 | 22.8 | -75.2 | 10.7 | 18.3 | 4.5 | 3.8 | -1.1 | 1.1 | -4.1 | 23.3 |
| | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 61,900 | 8,387 (365) | 25,999 (1.1) | 34.6 | - | - | 41.2 | - | - | - | - | -0.1 | -6.7 | -6.5 | 21.4 |
| Chăm sóc sức khỏe | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 100,300 | 13,114 (570) | 8,056 (0.3) | 45.4 | 13.2 | 12.3 | 10.7 | 25.4 | 23.8 | 3.0 | 2.6 | -0.2 | -3.0 | -12.4 | 34.0 |
| | PME | PYMEPHARCO JSC | 80,200 | 6,016 (261) | #N/A (#N/A) | 11.7 | - | - | 1.6 | - | - | - | - | - | - | - | - |
| IT | FPT | FPT CORP | 49,275 | 61,301 (2,664) | 133,458 (5.6) | 0.0 | 18.5 | 15.0 | 15.5 | 28.1 | 30.8 | 4.7 | 3.9 | 0.0 | 1.6 | 6.8 | 29.4 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congth@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tienss@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

